

## PHỤ LỤC 4

### Thuyết minh và dự toán chi tiết dự án “Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia Nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp – Yêu cầu thiết kế”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

- 1. Tên tiêu chuẩn:** Nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp – Yêu cầu thiết kế
- 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng của tiêu chuẩn quốc gia:** Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu chung trong thiết kế xây dựng mới hoặc cải tạo Nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.
- 3. Tổ chức biên soạn:**
  - Tên tổ chức: Viện Nghiên cứu Tiêu chuẩn và Thiết kế điển hình hoá Xây dựng - Viện Kiến trúc Quốc gia.
  - Địa chỉ: 389 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội.
  - Điện thoại: 024 3767 4881 – 116

#### 4. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn trong nước và ngoài nước

##### *Trong nước:*

Theo số liệu báo cáo tại hội nghị tổng kết công tác năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 của ngành kế hoạch và đầu tư (KH&ĐT) ngày 28/12/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nay là Bộ Tài chính, tính đến cuối năm 2024, cả nước có 447 khu công nghiệp đã thành lập. Trong đó, 304 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động và 143 khu công nghiệp đang trong quá trình xây dựng. Lũy kế đến thời điểm báo cáo, các khu công nghiệp, khu kinh tế trên cả nước thu hút hơn 11,2 ngàn dự án đầu tư nước ngoài và 10,6 ngàn dự án đầu tư trong nước. Các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn cả nước đã tạo việc làm cho khoảng 4,16 triệu lao động trực tiếp. Như vậy, nhu cầu về nhà lưu trú công nhân Trong khu công nghiệp là rất lớn

Theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 -2030”

Theo Luật nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023, tại khoản 8 điều 2, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp là công trình xây dựng được đầu tư xây dựng trên phần diện tích đất thương mại, dịch vụ thuộc phạm vi khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp để bố trí cho cá nhân là công nhân thuê trong thời gian làm việc tại khu công nghiệp đó theo quy định của Luật này. Cũng theo luật này, nhà lưu trú công nhân được khuyến khích đầu tư Theo hướng có cơ chế, chính sách riêng

Một số tồn tại, vướng mắc trong phát triển nhà ở công nhân khu công nghiệp được giải quyết tại Nghị định số 49/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 100/2015/NĐ-CP (nay là Nghị định 100/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội), cụ thể như: 1) Trong quá trình quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí tối thiểu 20% quỹ đất thương mại, dịch vụ của khu công nghiệp để làm nhà lưu trú công nhân, trừ trường hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh đã bố trí đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho công nhân của khu công

nghiệp đó; 2) Trường hợp khu công nghiệp đã hình thành mà chưa có hoặc chưa đáp ứng đủ chỗ ở cho công nhân trong khu công nghiệp và còn diện tích đất thương mại, dịch vụ đảm bảo an toàn về môi trường quy định tại Điều 59 của Nghị định này thì doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp có thể nghiên cứu báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để điều chỉnh một phần diện tích đất thương mại, dịch vụ để làm nhà lưu trú công nhân.

Các loại hình nhà ở cho công nhân hiện nay có thể chia thành ba nhóm chính:

- Nhà ở xã hội: được đầu tư xây dựng để bán, cho thuê, thuê mua cho các đối tượng chính sách, trong đó có công nhân khu công nghiệp, theo quy định tại Luật Nhà ở. Đây là loại hình chính thức trong hệ thống nhà ở do Nhà nước hỗ trợ phát triển.
- Nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp: là loại hình nhà ở mới được quy định rõ tại Luật Nhà ở 2023, dành riêng để bố trí cho công nhân thuê trong thời gian làm việc tại khu công nghiệp. Nhà lưu trú công nhân được quản lý, vận hành theo dự án, bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và điều kiện sinh hoạt tối thiểu.
- Nhà trọ do cá nhân, hộ gia đình xây dựng và cho thuê: loại hình này đáp ứng một phần lớn nhu cầu ở của công nhân. Luật Nhà ở cho phép cá nhân, hộ gia đình cho thuê nhà ở theo quy định, đây không phải nhà ở xã hội hay nhà lưu trú công nhân theo chính sách chính thức, mà được xem là một kênh cung ứng nhà ở bổ sung, có vai trò quan trọng trong giải quyết nhu cầu trước mắt.

Thực trạng hiện nay tại các các khu công nghiệp đang thiếu hụt hạ tầng xã hội cho người lao động đặc biệt là nhu cầu về nhà phục vụ nhu cầu lưu trú tại các các khu công nghiệp chưa đáp ứng đủ, lấp đầy theo nhu cầu, bên cạnh đó số công nhân thuê trọ tại nhà dân, khu trọ do dân tự đầu tư xây dựng là rất lớn, đặc điểm chung tại những khu ở này là diện tích chật chội, thiếu thốn và đông đúc tiềm ẩn nhiều mối lo do mật độ đông, điều kiện sống và sinh hoạt không đảm bảo, cơ sở vật chất thiếu thốn... đồng thời cũng ẩn chứa nhiều nguy cơ cháy nổ, mất an toàn sinh mạng, sức khỏe, nguy cơ lây lan dịch bệnh cao do chưa được đầu tư, xây dựng đáp ứng các quy định chuyên ngành.

Hiện nay, Luật Nhà ở 2023 cùng các văn bản hướng dẫn đã chính thức đưa ra khái niệm “nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp”, xác định đây là loại công trình xây dựng phục vụ bố trí cho công nhân thuê trong thời gian làm việc tại khu công nghiệp, dự án xây dựng nhà lưu trú công nhân phải tuân thủ các yêu cầu cơ bản: phù hợp quy hoạch khu công nghiệp; đáp ứng diện tích lưu trú theo chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh; bảo đảm đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bố trí các khu chức năng phục vụ sinh hoạt (y tế, văn hóa, thể thao, dịch vụ, thương mại, tiện ích công cộng); có lối đi riêng với khu sản xuất, bảo đảm an toàn, an ninh, khoảng cách ly an toàn môi trường, v.v..

Tuy vậy, đến nay Việt Nam chưa có tiêu chuẩn thiết kế kỹ thuật riêng cho nhà lưu trú công nhân. Việc thiết kế, xây dựng vẫn chủ yếu tham chiếu các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng như QCVN 01:2021/BXD, QCVN 06:2022/BXD, QCVN 04:2021/BXD, TCVN 9411, TCVN 4450, TCVN 4451, TCVN 4601, cùng các tiêu chuẩn về chiếu sáng, thông gió, vệ sinh, môi trường, các tiêu chuẩn liên quan khác. Các tiêu chuẩn này chưa đề cập tới mô hình nhà lưu trú (nằm trong khu công nghiệp), do đó khi xây dựng còn chưa có tài liệu tham chiếu trực quan gây khó khăn trong việc áp dụng

tiêu chuẩn cũng như quản lý xây dựng của cơ quan có thẩm quyền. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay nhu cầu về Nhà lưu trú cho công nhân khu công nghiệp còn rất cao, thực trạng Nhà ở cho công nhân còn thiếu và yếu không đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của xã hội.

### ***Quốc tế:***

Hầu hết các nước trên thế giới như Singapore, Hàn quốc, Pháp... đều có chính sách nhà ở xã hội và các chương trình phát triển nhà ở xã hội để giải quyết nhu cầu nhà ở ở mức tối thiểu cho đối tượng là người có thu nhập thấp đô thị, người nhập cư. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kiến tạo “chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện”, đặc biệt là các chính sách về tạo quỹ đất, thuế và tín dụng ưu đãi để thực hiện các dự án nhà ở xã hội và hỗ trợ tín dụng ưu đãi dài hạn cho người tiêu dùng để thuê mua, thuê nhà ở xã hội phù hợp với nhiều loại đối tượng khác nhau. Ở các nước trên thế giới, phổ biến nhất là thuê nhà ở xã hội, phần còn lại là nhà ở xã hội thuê mua (mua trả góp dài hạn từ 20 - 30 năm).

Tại Hàn Quốc, nhà ở xã hội chủ yếu do Tổng công ty nhà ở và đất đai (LH) thực hiện hoặc chỉ định nhà thầu thực hiện và tất cả các dự án đều nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ về phát triển nhà ở xã hội; cũng như được hỗ trợ đầy đủ theo quy định. Tính đến 2015, LH đã sở hữu 733.263 căn hộ (chiếm khoảng 3,8% tổng số nhà ở); bao gồm xây dựng mới 633.403 căn hộ, mua để cho thuê 99.860 căn hộ và thuê để cho thuê lại 121.548 căn hộ). Tổng số nhà ở cho thuê năm 2014 là 1.708.715 căn hộ (tương ứng với 8,8% tổng số nhà ở) và trong phân khúc này thì LH đầu tư, xây dựng trung bình khoảng 100.000 căn hộ/năm, chiếm khoảng 71% tổng số nhà ở cho thuê hàng năm.

Singapore là điển hình thành công trong việc phát triển nhà ở xã hội đảm bảo nguồn cung, đáp ứng nhà ở cho người dân thông qua mô hình các Tập đoàn hoặc Tổng công ty nhà nước đủ mạnh, có sự hỗ trợ của nhà nước về đất đai, tài chính để chuyên đầu tư phát triển loại hình nhà ở này. Đến nay Singapore có trên 90% người dân Singapore sở hữu nhà, trong đó có tới 83% số người được sở hữu nhà ở giá thấp; trở thành quốc đảo có biệt danh “Sur tử” với những đường phố, những khu nhà khang trang, cảnh quan môi trường đô thị văn minh, hiện đại.

Tại Pháp, Chính phủ đưa ra quy định rõ ràng về nhà lưu trú cho công nhân trong khu công nghiệp như diện tích, điều kiện ánh sáng, vệ sinh, ... Các khu lưu trú được bố trí gần nhà máy làm giảm thời gian đi lại, tăng gắn kết công nhân. Các dịch vụ phục vụ ăn uống, sinh hoạt, y tế, ... được đầu tư bài bản để giảm gánh nặng cho người lao động. Nhà nước quy định rõ vai trò của chủ doanh nghiệp và người lao động trong việc duy trì chất lượng nhà lưu trú. Cả hai hình thức: thuê ngắn hạn và ở lâu dài đều được tính toán để đảm bảo cuộc sống của công nhân.

Tại Trung Quốc, Chính phủ đã thiết lập quy định quản lý nhà cho thuê với giá thấp vào năm 2001 và chính thức áp dụng trên toàn quốc từ 01/03/2004. Chính sách nhà ở minh bạch trong phân phối tiền bao cấp cho các gia đình có thu nhập thấp với sự kiểm soát của nhà nước. Nhà nước Trung Quốc thiết lập các quy định quản lý nhà cho thuê với giá thấp. Minh bạch trong phân phối nhà ở cho các hộ thu nhập thấp kết hợp với chiến lược bao cấp tiền thuê nhà một cách linh hoạt, ít tốn kém hơn so với chiến lược xây dựng trực tiếp nhà cho thuê với giá thấp.

Trên thế giới, nhiều tiêu chuẩn, quy chuẩn và hướng dẫn đã được ban hành liên quan trực tiếp đến ký túc xá, nhà lưu trú công nhân và người lao động. Có thể kể đến:

- ILO Recommendation No.115(1961)-Workers' Housing Recommendation, Khuyến nghị về nhà ở cho công nhân của Tổ chức Lao động Quốc tế;
- IFC & EBRD-Workers' Accommodation: Processes and Standards (2009), Hướng dẫn về xây dựng, quản lý nhà lưu trú công nhân;
- Better Work-Dormitories Assessment Guide, Hướng dẫn đánh giá điều kiện ký túc xá, nhà tập thể công nhân;
- Ergon Associates-Guide on Worker Accommodation, Hướng dẫn lập kế hoạch, thiết kế, xây dựng và quản lý nhà lưu trú công nhân;
- СП 379.1325800.2020-Общежития. Правила проектировани (Tiêu chuẩn quy định yêu cầu thiết kế ký túc xá cho công nhân, sinh viên và người lao động, bao gồm diện tích ở tối thiểu, nhóm không gian sinh hoạt chung, vệ sinh, an toàn cháy, hiệu quả năng lượng và điều kiện tiếp cận);
- JGJ 36-2016 (Tiêu chuẩn thiết kế ký túc xá, quy định diện tích tối thiểu m<sup>2</sup>/người, yêu cầu bố trí phòng phụ trợ, thông gió, thoát hiểm, an toàn);
- Annex A – Key Improved Standards for New Dormitories - 2020, Singapore (Quy định mới cho ký túc xá sau dịch COVID-19, quy định về diện tích chỗ ở, số lượng người/phòng, vệ sinh tách biệt, phòng cách ly, yêu cầu tăng cường thông gió và không gian sinh hoạt cộng đồng);
- Guidelines for Workers' Housing - Singapore, 2006, MOM (Hướng dẫn bố trí phòng ở, vệ sinh, bếp ăn, dịch vụ y tế, an toàn cháy);
- Workers' Minimum Standards of Housing and Amenities Act 1990 - Malaysia, Act 446, sửa đổi 2020 (Luật quy định diện tích ở tối thiểu, điều kiện vệ sinh, điện nước, dịch vụ xã hội);
- Circular No.143/2020 - Malaysia (Quy định chi tiết về tiêu chuẩn chỗ ở công nhân, cấp chứng nhận, tiền thuê và tiện ích);
- 29 CFR 1910.142 – Temporary Labor Camps - Mỹ (Quy định về diện tích ngủ tối thiểu, thông gió, vệ sinh, nước sạch, an toàn phòng dịch).

Đánh giá chung, các tài liệu và tiêu chuẩn quốc tế này tập trung vào những nhóm vấn đề chính như: Yêu cầu thiết kế công năng và tổ chức không gian: xác định diện tích ở tối thiểu trên mỗi người, bố trí chỗ ngủ, vệ sinh, bếp ăn, không gian sinh hoạt chung và các khu phụ trợ; Yêu cầu về an toàn, sức khỏe và môi trường sống: đề cập chiếu sáng, thông gió, an toàn cháy nổ, vệ sinh dịch tễ, kiểm soát mật độ cư trú và dịch bệnh; Yêu cầu về tiện ích xã hội và quản lý vận hành: khuyến nghị bố trí các không gian dịch vụ, văn hóa, thể thao, y tế; đồng thời đưa ra các nguyên tắc quản lý, vận hành nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, quyền riêng tư và điều kiện sống tối thiểu cho công nhân.

Những tài liệu quốc tế nêu trên sẽ là cơ sở tham khảo để xây dựng biên soạn tiêu chuẩn nhà lưu trú công nhân tại Việt Nam theo hướng hài hòa quốc tế, nhưng phù hợp điều kiện xã hội và đầu tư xây dựng với thực tiễn trong nước.

## 5. Lý do và mục đích xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

Sự phát triển mạnh mẽ của các khu công nghiệp kéo theo số lượng lớn công nhân từ nhiều địa phương đến làm việc. Phần lớn công nhân có thu nhập thấp, gặp khó khăn trong việc tiếp cận chỗ ở ổn định, hợp vệ sinh và an toàn. Thực tế hiện nay, nhiều công nhân phải sống trong các khu nhà trọ không đảm bảo điều kiện vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, ảnh hưởng tới sức khỏe và năng suất lao động.

Trong khi đó, Việt Nam chưa có một hệ thống tiêu chuẩn quốc gia cụ thể, thống nhất về thiết kế, xây dựng, vận hành nhà lưu trú công nhân. Các dự án nhà ở công nhân hiện thực hiện theo nhiều mô hình khác nhau, dẫn đến chất lượng không đồng đều. Chính phủ đã có chủ trương hỗ trợ phát triển nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

Để đảm bảo điều kiện nơi ở/lưu trú và sinh hoạt tốt hơn cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, đặc biệt là giải quyết các vấn đề bất cập trong quá trình triển khai xây dựng, cải tạo, quản lý xây dựng nhà lưu trú cho công nhân ngoài các giải pháp lồng ghép nhà ở công nhân trong quy hoạch khu công nghiệp, thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân thì việc quản lý, giám sát việc thiết kế/xây dựng thông qua ban hành tiêu chuẩn thiết kế riêng cho đối tượng này rất cần thiết để không gian lưu trú/ở của công nhân phù hợp công năng, giảm thiểu các rủi ro trong khu lưu trú, nhà lưu trú, đáp ứng yêu cầu an toàn sức khỏe, an toàn cháy nổ và các yêu cầu an toàn sử dụng khác. Việc nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn này cần sớm tiến hành đồng thời cũng nằm trong nhiệm vụ của đề án Hoàn thiện hệ thống Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 198/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Vì vậy việc nghiên cứu, biên soạn TCVN “Nhà lưu trú cho công nhân khu công nghiệp – Yêu cầu thiết kế” là rất cần thiết.

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu nào sau đây:

- |                                  |                                     |                                |                                     |
|----------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| + Thông tin, thông hiểu          | <input checked="" type="checkbox"/> | + Tiết kiệm                    | <input checked="" type="checkbox"/> |
| + An toàn sức khoẻ môi trường    | <input checked="" type="checkbox"/> | + Giảm chủng loại              | <input type="checkbox"/>            |
| + Đòi hỏi                        | <input type="checkbox"/>            | + Các mục đích khác (ghi dưới) | <input type="checkbox"/>            |
| + Chức năng công dụng chất lượng | <input checked="" type="checkbox"/> |                                |                                     |

- Tiêu chuẩn có dùng để chứng nhận không?  có  không

- Căn cứ

+ Tiêu chuẩn có liên quan đến yêu cầu phát triển KTXH của Nhà nước không?  có  không

+ Thuộc chương trình nào:

Kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia của Bộ Xây dựng thực hiện năm 2026-2027

+ Yêu cầu hài hoà tiêu chuẩn (quốc tế và khu vực):  có  không

## 6. Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn

- Những vấn đề sẽ xây dựng tiêu chuẩn (hoặc sửa đổi bổ sung):

+ Thuật ngữ và định nghĩa	<input checked="" type="checkbox"/>	+ Tiêu chuẩn cơ bản	<input checked="" type="checkbox"/>
+ Phân loại	<input checked="" type="checkbox"/>	+ Yêu cầu an toàn vệ sinh	<input type="checkbox"/>
+ Ký hiệu	<input type="checkbox"/>	+ Yêu cầu về môi trường	<input checked="" type="checkbox"/>
+ Thông số và kích thước cơ bản	<input checked="" type="checkbox"/>	+ Lấy mẫu	<input type="checkbox"/>
+ Yêu cầu kỹ thuật	<input checked="" type="checkbox"/>	+ Phương pháp thử và kiểm tra	<input type="checkbox"/>
+ Tiêu chuẩn về quá trình	<input type="checkbox"/>	+ Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản	<input type="checkbox"/>
+ Tiêu chuẩn về dịch vụ	<input type="checkbox"/>	+ Các khía cạnh và yêu cầu khác (ghi cụ thể ở dưới) :	<input type="checkbox"/>

- Bỏ cục, nội dung các phần chính của TCVN dự kiến:

1. Phạm vi áp dụng
2. Tài liệu viện dẫn
3. Thuật ngữ định nghĩa
4. Yêu cầu chung
5. Yêu cầu thiết kế kiến trúc
6. Yêu cầu thiết kế kết cấu
7. Yêu cầu về an toàn cháy
8. Yêu cầu thiết kế hệ thống kỹ thuật bên trong công trình
9. Yêu cầu công tác hoàn thiện

Các phụ lục có liên quan (nếu có)

- Số trang dự kiến: 30 trang.

- Nhu cầu khảo nghiệm tiêu chuẩn quốc gia trong thực tế:  có  không

## 7. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng

- Phương thức thực hiện:

+ Xây dựng mới	<input checked="" type="checkbox"/>	+ Sửa đổi, bổ sung	<input type="checkbox"/>
+ Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế	<input type="checkbox"/>	+ Thay thế	<input type="checkbox"/>

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN (bản chụp kèm theo):

***Các Luật, Nghị định và văn bản pháp quy hiện hành có liên quan:***

+ Luật số: 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 - Luật Xây dựng và Luật số: 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

+ Luật số: 40/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 – Luật Kiến trúc;

+ Luật số: 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 – Luật Nhà ở;

+ Luật số: 55/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 - Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

+ Nghị định số: 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 - Quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

+ Nghị định số: 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 - Quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở;

***Các quy chuẩn, tiêu chuẩn lĩnh vực Xây dựng hiện hành và các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan khác:***

- + QCVN 01:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- + QCVN 01-1:2024/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- + QCVN 02:2022/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng;
- + QCVN 04:2021/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà chung cư;
- + QCVN 05:2008/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;
- + QCVN 06:2022/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình, sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD;
- + QCVN 09:2017/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;
- + QCVN 10:2024/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;
- + QCVN 12:2014/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện của tòa nhà và công trình;
- + QCVN 22:2016/BYT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức chiếu sáng cho phép nơi làm việc;
- + QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn;
- + TCVN 4450, Căn hộ ở - Tiêu chuẩn thiết kế;
- + TCVN 4451, Nhà ở - Nguyên tắc cơ bản đề thiết kế;
- + Các TCVN khác về kiến trúc, hệ thống kỹ thuật công trình có liên quan.
- + IFC & EBRD-Workers' Accommodation: Processes and Standards (2009), Hướng dẫn về xây dựng, quản lý nhà lưu trú công nhân;
- + СП 379.1325800.2020-Общежития. Правила проектировани, Tiêu chuẩn thiết kế ký túc xá;
- + JGJ 36-2016, Tiêu chuẩn thiết kế ký túc xá.

## **8. Kiến nghị thành lập Ban kỹ thuật, Tiểu ban kỹ thuật, Tổ biên soạn**

- Ban kỹ thuật về Kiến trúc và Hệ thống kỹ thuật công trình được thành lập tại Quyết định số 1693/QĐ-BXD.

- Tổ biên soạn

STT	Họ và tên	Chức vụ, học vị	Cơ quan	Nhiệm vụ
-----	-----------	--------------------	---------	----------

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ, học vị</b>	<b>Cơ quan</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	Nguyễn Bảo Sơn	Thạc sỹ	Viện TC-ĐHH	Trưởng ban
2	Lê Duy Dương	Thạc sỹ	Viện TC-ĐHH	Thư Ký
3	Đỗ Thị Thu Vân	Thạc sỹ	Viện KTQG	Thành viên
4	Đào Thị Bích Thủy	Thạc sỹ	Viện KTQG	Thành viên
5	Phạm Hoàng Phương	Thạc sỹ	Viện KTQG	Thành viên
6	KTS Vũ Văn Định	Kiến trúc sư	Viện KTQG	Thành viên
7	Trần Thị Thủy Dung	Cử nhân	Viện KTQG	Thành viên
8	Kiều Tuấn Hùng	Thạc sỹ	Viện TC-ĐHH	Thành viên
9	Đào Thị Tiến Ngọc	TS.KTS	Viện TC-ĐHH	Thành viên
10	Phạm Minh Dũng	Tiến sỹ	Viện TC-ĐHH	Thành viên
11	Nguyễn Thùy Dương	Thạc sỹ	Viện TC-ĐHH	Thành viên
12	Tô Thị Vân Anh	Thạc sỹ	Viện TC-ĐHH	Thành viên
13	Phạm Thu Hằng	Cử nhân	Viện TC-ĐHH	Thành viên
14	Phạm Xuân Huy	Kỹ sư	Viện TC-ĐHH	Thành viên
15	Nguyễn Lương Bằng	Kỹ sư	Viện TC-ĐHH	Thành viên

### **9. Cơ quan phối hợp**

- Tổ chức, cá nhân xây dựng dự thảo: Viện Kiến trúc Quốc gia
- Ban kỹ thuật tiêu chuẩn có liên quan phải lấy ý kiến: Ban kỹ thuật về Kiến trúc và Hệ thống kỹ thuật công trình
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến:
  - + Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng;
  - + Các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân liên quan.

### **10. Dự kiến tiến độ thực hiện**

<b>TT</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Thời gian</b>	
		<b>Bắt đầu</b>	<b>Kết thúc</b>
1	Lập dự án	01/2026	02/2026
2	Biên soạn dự thảo TCVN	03/2026	02/2027
	- Thu thập tài liệu, khảo sát, khảo nghiệm	03/2026	02/2027

TT	Nội dung công việc	Thời gian	
		Bắt đầu	Kết thúc
	- Biên soạn dự thảo TCVN	03/2026	06/2027
3	Lấy ý kiến dự thảo TCVN	12/2026	03/2027
4	Hội nghị chuyên đề/nghiệm thu cơ sở	03/2027	05/2027
5	Nghiệm thu cấp Bộ	05/2027	06/2027
6	Hoàn chỉnh dự thảo TCVN và lập Hồ sơ dự thảo TCVN	06/2027	08/2027
7	Thẩm tra Hồ sơ dự thảo TCVN	08/2027	10/2027
8	Gửi hồ sơ dự thảo TCVN/QCVN để thẩm định	09/2027	12/2027
9	Thẩm định dự thảo TCVN	09/2027	12/2027
10	Lập Hồ sơ TCVN trình duyệt	09/2027	12/2027
11	Trình duyệt và công bố	09/2027	12/2027

#### 11. Dự toán kinh phí thực hiện

a. Tổng kinh phí: **700.000.000** đồng trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 700.000.000 đồng
- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân:
- Nguồn khác:

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện: (*Lập dự toán chi tiết kèm theo*)

## **DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

### **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia Nhà lưu trữ công nhân trong khu công nghiệp – Yêu cầu thiết kế**

#### **Căn cứ lập dự toán:**

- Căn cứ Thông tư 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về Hướng dẫn quản lý và ử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật
- Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BKHCN ngày 18/11/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn
- Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Bộ KHHCN Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật cho nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia;
- Căn cứ Thông tư 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính về Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.
- Thông tư 42/2022/TT-BTC sửa đổi Thông tư 338/2016/TT-BTC quy định sử dụng kinh phí xây dựng văn bản QPPL
- Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-BGTVT ngày 24/8/2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT Về việc Quy định một số định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải
- Căn cứ Quyết định số 589/QĐ-BXD ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Ban hành quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Xây dựng

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			Ghi chú
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
<b>1</b>	<b>Lập đề cương nghiên cứu dự toán</b>	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng						
	<b>Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ (TL = 1,0 x DM cn x 20% x T)</b>				<b>134.400.000</b>	<b>67.200.000</b>	<b>67.200.000</b>	
	<b>Thù lao của thư ký khoa học (TL = 0,3 x DM cn x 20% x T)</b>				<b>40.320.000</b>	<b>20.160.000</b>	<b>20.160.000</b>	
<b>2</b>	<b>Nội dung nghiên cứu (12 chuyên đề)</b>				<b>334.320.000</b>	<b>129.360.000</b>	<b>204.960.000</b>	
<b>3</b>	<b>Lập cáo cáo tổng kết nhiệm vụ</b>	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng						
<b>4</b>	<b>Xây dựng và hoàn chỉnh dự thảo <i>Nhà ở lưu trú công nhân trong khu công nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế</i></b>				<b>35.000.000</b>	-	<b>35.000.000</b>	
<b>5</b>	<b>Hợp tự tư vấn đánh giá nghiệm thu và thẩm tra nội dung Dự thảo thông qua Hội đồng Khoa học Viện</b>				<b>5.950.000</b>		<b>5.950.000</b>	QĐ 1068/QĐ-BGTVT
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	650.000	650.000		650.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			Ghi chú
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000		150.000	
	Thành viên Hội đồng	Người	5	500.000	2.500.000		2.500.000	
	Đại biểu được mời tham dự	Người	5	100.000	500.000		500.000	
	Nhận xét đánh giá của thành viên phản biện trong Hội đồng	Phiếu nhận xét, đánh giá	3	350.000	1.050.000		1.050.000	
	Nhận xét đánh giá của thành viên trong Hội đồng	Phiếu nhận xét, đánh giá	2	250.000	500.000		500.000	
	Trà nước phục vụ cuộc họp	Người	12	50.000	600.000		600.000	
<b>6</b>	<b>Chi khác</b>				<b>150.060.000</b>	<b>83.280.000</b>	<b>66.780.000</b>	QĐ 1068/QĐ-BGTVT
<b>6.1</b>	<b>Chi phí quản lý</b>				<b>35.000.000</b>	<b>15.000.000</b>	<b>20.000.000</b>	
<b>6.2</b>	<b>Chi lấy ý kiến nhận xét của chuyên gia đối với dự thảo TCVN</b>		10	500.000	<b>5.000.000</b>		<b>5.000.000</b>	
<b>6.3</b>	<b>Tổ chức họp Ban biên soạn xây dựng TCVN</b>	Cuộc	4	2.300.000	<b>9.200.000</b>	<b>2.300.000</b>	<b>6.900.000</b>	
	<i>Trưởng ban</i>	Người	1	150.000	150.000	150.000	-	
	<i>Thư ký</i>	Người	1	100.000	100.000	100.000	-	
	<i>Các thành viên</i>	Người	13	100.000	1.300.000	1.300.000	-	
	<i>Trà nước phục vụ cuộc họp</i>	Người	15	50.000	750.000	750.000	-	
<b>6.4</b>	<b>Tổ chức họp chuyên đề</b>	Cuộc	1	8.250.000	<b>8.250.000</b>	-	<b>8.200.000</b>	QĐ 1068/QĐ-BGTVT
	<b>Chi 1 cuộc</b>				<b>8.250.000</b>		<b>8.200.000</b>	
	<i>Người chủ trì</i>	Người	1	700.000	700.000		700.000	
	<i>Thư ký</i>	Người	1	250.000	250.000		250.000	
	<i>Báo cáo viên trình bày tại cuộc họp</i>	Báo cáo	3	1.000.000	3.000.000		3.000.000	
	<i>Đại biểu tham dự</i>	Người	21	150.000	3.150.000		3.000.000	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			Ghi chú
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
	<i>Trà nước phục vụ cuộc họp</i>	Người	23	50.000	1.150.000		1.250.000	
<b>6.5</b>	<b>Chi phí khảo sát</b>				<b>76.700.000</b>	<b>57.500.000</b>	<b>19.200.000</b>	TT 40/2017/TT-BTC
	<b>Các tỉnh miền Bắc (1 đoàn): Bắc Ninh, Hưng Yên</b>	đoàn	<b>1</b>	<b>19.200.000</b>	<b>19.200.000</b>	<b>0</b>	<b>19.200.000</b>	
	Phụ cấp công tác phí (4 người x 5 ngày)	Người x ngày	20	300.000	6.000.000		6.000.000	
	Phụ cấp lưu trú (4 người x 4 đêm)	Người x đêm	16	500.000	8.000.000		8.000.000	
	Chi phí đi lại	Trọn gói			5.200.000		5.200.000	
	<b>Các tỉnh miền Nam (1 đoàn): TP Hồ Chí Minh</b>	đoàn	<b>1</b>	<b>57.500.000</b>	<b>57.500.000</b>	<b>57.500.000</b>	<b>-</b>	
	Phụ cấp công tác phí (5 người x 5 ngày)	Người x ngày	25	300.000	7.500.000	7.500.000	-	
	Phụ cấp lưu trú (5 người x 4 đêm)	Người x đêm	20	500.000	10.000.000	10.000.000	-	
	Chi phí đi lại	Người	5	8.000.000	40.000.000	40.000.000	-	
<b>6.6</b>	<b>Chi in ấn tài liệu, VPP, mua tài liệu,....</b>				<b>15.910.000</b>	<b>8.480.000</b>	<b>7.430.000</b>	
	In ấn, pho to,.....				<i>10.230.000</i>	<i>2.800.000</i>	7.430.000	
	Văn phòng phẩm				<i>5.680.000</i>	<i>5.680.000</i>	-	
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>700.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>400.000.000</b>	

**Chi phí nhân công trực tiếp**

TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Thành tiền			Căn cứ
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
1	Lập đề cương nghiên cứu dự toán	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng			174.720.000	87.360.000	87.360.000	
	Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ (TL = 1,0 x DM cn x 20% x T)	1	1		134.400.000	44.800.000	89.600.000	
	Thù lao của thư ký khoa học (TL = 0,3 x DM cn x 20% x T)	0,3	1		40.320.000	20.160.000	20.160.000	
2	Nội dung nghiên cứu (12 chuyên đề)				334.320.000	154.560.000	179.760.000	TT 03/2023/TT-BTC
	<b>Chuyên đề 1: Nghiên cứu thực trạng nhà ở, lưu trú cho công nhân</b>	Chuyên đề			28.000.000	28.000.000	-	
	Thành viên chính	0,8	1	0,5	11.200.000	11.200.000	-	
	Thành viên	0,4	1	0,6	6.720.000	6.720.000	-	
	Thành viên	0,4	1	0,6	6.720.000	6.720.000	-	
	Thành viên/ Kỹ thuật viên	0,2	1	0,6	3.360.000	3.360.000	-	
	<b>Chuyên đề 2: Nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật và quy định quản lý liên quan đến thiết kế, xây dựng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	Chuyên đề			19.600.000	19.600.000	-	
	Thành viên chính	0,8	1	0,5	11.200.000	11.200.000	-	

TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Thành tiền			Căn cứ
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,5	5.600.000	5.600.000		
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,5	2.800.000	2.800.000	-	
	<b>Chuyên đề 3: Nghiên cứu hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành liên quan đến nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>19.600.000</b>	<b>19.600.000</b>	-	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,5	11.200.000	11.200.000	-	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,5	5.600.000	5.600.000		
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,5	2.800.000	2.800.000	-	
	<b>Chuyên đề 4: Nghiên cứu khung nội dung, các tiêu chí và yêu cầu chung trong thiết kế nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>25.200.000</b>	<b>25.200.000</b>	-	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,5	11.200.000	11.200.000	-	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,5	5.600.000	5.600.000	-	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,5	5.600.000	5.600.000	-	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,5	2.800.000	2.800.000	-	
	<b>Chuyên đề 5: Nghiên cứu yêu cầu quy hoạch, khu đất xây dựng và định hướng tổ chức tổng mặt bằng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>25.760.000</b>	<b>25.760.000</b>	-	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,4	8.960.000	8.960.000	-	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000	6.720.000	-	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000	6.720.000	-	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,6	3.360.000	3.360.000	-	

TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Thành tiền			Căn cứ
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
	<b>Chuyên đề 6: Nghiên cứu tổ chức không gian, khối chức năng của nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>25.200.000</b>		<b>25.200.000</b>	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,5	11.200.000		11.200.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,5	5.600.000		5.600.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,5	5.600.000		5.600.000	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,5	2.800.000		2.800.000	
	<b>Chuyên đề 7: Nghiên cứu yêu cầu thiết kế các không gian chức năng chính của nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>28.000.000</b>	-	<b>28.000.000</b>	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,5	11.200.000		11.200.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,6	3.360.000		3.360.000	
	<b>Chuyên đề 8: Nghiên cứu yêu cầu thiết kế bảo đảm an toàn trong sử dụng và vận hành nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>30.240.000</b>		<b>30.240.000</b>	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,6	13.440.000		13.440.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,6	3.360.000		3.360.000	

TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Thành tiền			Căn cứ
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
	<b>Chuyên đề 9: Nghiên cứu các yêu cầu bảo đảm an toàn môi trường đối với nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>32.480.000</b>		<b>32.480.000</b>	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,4	8.960.000		8.960.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,6	3.360.000		3.360.000	
	<b>Chuyên đề 10: Nghiên cứu các yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy đối với nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>25.760.000</b>		<b>25.760.000</b>	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,4	8.960.000		8.960.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,6	3.360.000		3.360.000	
	<b>Chuyên đề 11: Nghiên cứu các giải pháp thiết kế sử dụng nước và năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>30.240.000</b>		<b>30.240.000</b>	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,6	13.440.000		13.440.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên</i>	0,4	1	0,6	6.720.000		6.720.000	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	0,2	1	0,6	3.360.000		3.360.000	
	<b>Chuyên đề 12: Nghiên cứu yêu cầu thiết kế hệ thống kỹ thuật của nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp</b>	<i>Chuyên đề</i>	<b>1</b>		<b>33.040.000</b>		<b>33.040.000</b>	
	<i>Thành viên chính</i>	0,8	1	0,6	13.440.000		13.440.000	

TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Thành tiền			Căn cứ
					Tổng	Năm 2026	Năm 2027	
	<i>Thành viên</i>	<i>0,4</i>	<i>1</i>	<i>0,7</i>	<i>7.840.000</i>		<i>7.840.000</i>	
	<i>Thành viên</i>	<i>0,4</i>	<i>1</i>	<i>0,7</i>	<i>7.840.000</i>		<i>7.840.000</i>	
	<i>Thành viên/ Kỹ thuật viên</i>	<i>0,2</i>	<i>1</i>	<i>0,7</i>	<i>3.920.000</i>		<i>3.920.000</i>	
<b>3</b>	<b>Lập cáo cáo tổng kết nhiệm vụ</b>					-	-	
<b>4</b>	<b>Xây dựng và hoàn chỉnh dự thảo <i>Nhà ở lưu trú công nhân trong khu công nghiệp – Yêu cầu thiết kế</i></b>				<b>35.000.000</b>		<b>35.000.000</b>	TT 13/2022/TT- BKHCN
	<b>Tổng</b>				<b>544.040.000</b>	<b>216.720.000</b>	<b>327.320.000</b>	